TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1138/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Nhung – Cán bộ hưu trí Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lê Thị Nhanh – Cán bộ hưu trí Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3500/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyen Thang H, sinh năm 1968
Địa chỉ: GA 30260-1462 Clayton USA.

Đại diện ủy quyền của ông Nguyen Thang H: Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1986, địa chỉ: Đường Q, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1976
Địa chỉ: Đường H, Phường P, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2018, và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyen Thang H trình bày:

Ông và bà Trần Thị N quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2017 ngày 12/10/2017.

Sau khi kết hôn ông và bà Trần Thị N chung sống với nhau được một thời gian ngắn. Sau đó, ông quay về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc còn bà N sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Trong quá trình chung sống thường xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù cả ông và bà N đã cố gắng hàn

gắn nhưng không được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ khi ông quay về Mỹ ông ít liên lạc với bà N và cũng ít về Việt Nam thăm bà N. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung : không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai của bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Nguyen Thang H quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2017 ngày 12/10/2017.

Sau khi kết hôn bà và ông Nguyen Thang H sinh sống với nhau khoảng một thời gian, sau đó ông Nguyen Thang H trở về Mỹ. Hiện tại bà và ông Nguyen Thang H không chung sống với nhau, bà nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, bà và ông Nguyen Thang H không còn muốn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà được biết ông Nguyen Thang H yêu cầu ly hôn với bà:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyen Thang H

Về con chung, tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn ông Nguyen Thang H, bị đơn bà Trần Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn ông Nguyen Thang H đang cư trú tại Hoa Kỳ, bị đơn bà Trần Thị N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; điểm a khoản 2 Điều 38 ; Điều 464 ; Điều 465 ; điểm g khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 124 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm :

Ông Nguyen Thang H và bà Trần Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2/ Về áp dụng pháp luật nội dung :

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy :

Ông Nguyen Thang H và bà Trần Thị N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2017 ngày 12/10/2017 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Việt Nam được khoảng thời gian ngắn. Sau đó ông Nguyen Thang H trở về Hoa Kỳ. Do thiếu sự quan tâm lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng, quan điểm và suy nghĩ khác biệt nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, dù đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Ông Nguyen Thang H xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu được ly hôn. Ý kiến của bà Trần Thị N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyen Thang H.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Việc ông Nguyen Thang H yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Đôi bên thống nhất không có

Về tài sản chung và nợ chung : Ông Nguyen Thang H và bà Trần Thị N đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 ; Điều 53 ; Điều 54; khoản 1 Điều 56 ; Điều 57 ; Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 ;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyen Thang H được ly hôn bà Trần Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2017 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/10/2017 không còn giá trị pháp lý kể tự ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung, tài sản chung và nợ chung : Ông Nguyen Thang H và bà Trần Thị N khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyen Thang H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông Hoang đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0044547 ngày 16/05/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyen Thang H đã nộp đủ án phí.

4/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Nguyen Thang H và bị đơn bà Trần Thị N; Ông Nguyen Thang H được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà Trần Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương